

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒN ĐẤT
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 151/2024/DS-ST
Ngày: 28/11/2024
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
về mua bán tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Nguyễn Thanh Huy;

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Hồng Gái;

Bà Đoàn Thanh Thuý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Lương Thành Trung - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 338/2024/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2024/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 11 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim L (Tên gọi khác A), sinh năm: 1976 - Chủ Hộ kinh doanh A1 (Viết tắt bà Nguyễn Thị Kim L). Địa chỉ: Tổ H, ấp B, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (Có mặt).

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm: 1977 và bà Trần Thị T, sinh năm: 1979. Cùng địa chỉ: Tổ A, ấp K, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2024 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L - Chủ Hộ kinh doanh An Khang và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị T có mua vật tư nông nghiệp của cửa hàng do bà làm chủ nhiều lần. Đến ngày 18/11/2013 thì hai bên chốt nợ với nhau, vợ chồng ông Đ, bà T còn thiếu cửa hàng bà với số tiền là 76.000.000 đồng (Biên nhận do chính ông Đ viết vào ngày 18/11/2013) và có thỏa thuận miệng bên ngoài lãi suất là 2%/tháng/1.000.000 đồng. Do bà còn hợp tác mua bán với vợ chồng ông Đ, bà T đến cuối năm 2016, thì chấm dứt việc hợp tác, nhưng vợ chồng ông Đ không trả số nợ cho bà, nhiều lần bà yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà T trả số tiền còn thiếu có ghi biên nhận nợ là 76.000.000 đồng, nhưng vợ chồng ông Đ nhiều lần hứa hẹn. Đến nay 28/4/2020, bà có gặp vợ chồng ông Đ nói chuyện, vợ chồng ông Đ hứa trả mỗi vụ lúa 10.000.000 đồng, nhưng vẫn không thực hiện.

Nay bà yêu cầu Toà án buộc vợ chồng ông Đ và bà T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L - Chủ Hộ kinh doanh An Khang số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ gốc là 76.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/11/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2024 là 132 tháng 10 ngày với lãi suất 0,83%/tháng là 83.475.866 đồng (làm tròn 83.476.000 đồng). Tổng cộng gốc và lãi là 159.476.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 29/11/2024 đến khi thanh toán xong nợ cho bà Nguyễn Thị Kim L - Chủ Hộ kinh doanh An Khang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị T và trong quá trình giải quyết vụ án như sau:

Ông bà thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Kim L - Chủ Hộ kinh doanh An Khang số tiền 76.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận nợ ngày 18/11/2013. Tại buổi làm việc ngày 06/11/2024, ông bà có trình bày là đã trả cho cửa hàng là 25.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận, không có gì chứng minh, nên ông bà rút lại trình bày này. Ông bà thống nhất chịu lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Nhưng do hoàn cảnh hiện nay khó khăn, thiếu nợ nhiều người, nên ông bà xin bà L cho ông bà trả dần mỗi vụ lúa là 5.000.000đ (*Năm triệu đồng*) cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu Toà án buộc vợ chồng ông Đ và bà T phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L - Chủ Hộ kinh doanh An Khang số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ gốc là 76.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/11/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2024 là 132 tháng 10 ngày với lãi suất 0,83%/tháng là 83.476.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 159.476.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 29/11/2024 đến khi thanh toán xong nợ cho bà Nguyễn Thị Kim L - Chủ Hộ kinh doanh An Khang.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị T thừa nhận còn nợ bà Nguyễn Thị Kim L - Chủ Hộ kinh doanh An Khang số tiền 76.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận nợ ngày 18/11/2013. Tại buổi làm việc ngày 06/11/2024, ông bà có trình bày là đã trả cho cửa hàng là 25.000.000 đồng, nhưng không có làm biên nhận, không có gì chứng minh, nên ông bà rút lại trình bày này. Ông bà thống nhất chịu lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Nhưng do hoàn cảnh hiện nay khó khăn, thiếu nợ nhiều người, nên ông bà xin bà L cho ông bà trả dần mỗi vụ lúa là 5.000.000đ (Năm triệu đồng) cho đến khi thanh toán xong nợ.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa trình bày như sau:

- Việc thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ và bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả gốc và lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm là 159.476.000 đồng cho bà Nguyễn Thị Kim L - Chủ Hộ kinh doanh An Khang và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 29/11/2024 đến khi thanh toán xong nợ cho bà Nguyễn Thị Kim L - Chủ Hộ kinh doanh An Khang

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định vụ án này như sau:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Theo nội dung đơn khởi kiện, bà Nguyễn Thị Kim L - Chủ Hộ kinh doanh An Khang yêu cầu vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ. Xét thấy đây là tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản, bị đơn ông Đ, bà T có nơi cư trú tại tổ A, ấp K, xã B, huyện H, tỉnh Kiên Giang, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

[2] *Về nội dung vụ án:* Qua lời khai và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, HĐXX có cơ sở xác định như sau:

Vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị T có đến mua vật tư nông nghiệp của bà Nguyễn Thị Kim L nhiều lần, đến ngày 18/11/2013 thì giữa hai bên tổng kết nợ với nhau, thì vợ chồng ông Đ, bà T còn nợ bà Nguyễn Thị Kim L số tiền gốc là 76.000.000 đồng và có thỏa thuận miệng bên ngoài lãi suất là 2%/tháng/1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kim L yêu cầu Tòa án buộc vợ chồng ông Đ và bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền mua vật tư nông nghiệp còn nợ gốc là 76.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/11/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm 28/11/2024 là 132 tháng 10 ngày với lãi suất 0,83%/tháng là 83.476.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 159.476.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 29/11/2024 đến khi thanh toán xong nợ cho bà.

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà L, HĐXX thấy rằng: Tại Biên bản hòa giải ngày 12/11/2024 (BL 20-21), vợ chồng ông Đ, bà T đều thừa nhận còn nợ tiền vật tư nông nghiệp của số tiền 76.000.000 đồng, hai bên có làm biên nhận nợ ngày 18/11/2013, ông bà thống nhất chịu lãi chậm trả theo quy định của pháp luật. Đây là các tình tiết được các bên đương sự thừa nhận, nên không cần phải chứng minh và được xem là chứng cứ để giải quyết vụ án theo quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do vậy, HĐXX có cơ sở chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[2.2] Đối với yêu cầu của vợ chồng ông Đ, bà T về việc xin bà L giảm bớt cho vợ chồng ông bà một khoản tiền lãi, vì kinh tế của bà hiện đang khó khăn. Đồng thời, vợ chồng ông Đ, bà T xin mỗi vụ lúa trả 5.000.000 đồng cho đến khi thanh toán xong nợ. Tuy nhiên, bà L không đồng ý giảm bớt một khoản tiền lãi, vì vợ chồng ông Đ, bà T không có thiện chí trả nợ và yêu cầu vợ chồng ông Đ, bà T phải có nghĩa vụ trả số tiền vật tư còn nợ một lần. Theo quy định tại mục 1 phần III Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19/6/1997 của Tòa án nhân dân tối cao - Viện Kiểm sát nhân dân tối cao - Bộ Tư pháp - Bộ T1 hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản có quy định: Tòa án không ấn định trong Bản án, Quyết định thời điểm hoặc thời hạn bên có nghĩa vụ thi hành án, nên HĐXX không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu này của vợ chồng ông Đ, bà T. Tuy nhiên, nếu vợ chồng ông Đ, bà T thật sự có khó khăn về kinh tế thì có thể làm đơn yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định của Luật Thi hành án dân sự.

Do đó, trong quá trình nghị án và thảo luận, HĐXX có cơ sở chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nguyên đơn. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim L - Chủ Hộ kinh doanh An Khang số tiền gốc, lãi

tính đến ngày xét xử (28/11/2024) 159.476.000 đồng. Đồng thời, buộc vợ chồng ông Đ, bà T phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền gốc 76.000.000 đồng theo mức lãi suất quy định của pháp luật từ ngày 29/11/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

[3] *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 47, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Buộc vợ chồng Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị T phải nộp án phí 5% trên số tiền 159.476.000 đồng buộc phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim L - Chủ Hộ kinh doanh An Khang là 7.973.800 đồng (làm tròn 7.974.000 đồng).

- Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim L - Chủ Hộ kinh doanh An Khang.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 266, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26, Điều 47, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Kim L - C kinh doanh An Khang số tiền mua vật tư nông nghiệp còn thiếu gốc và lãi là 159.476.000đ (*Một trăm năm mươi chín triệu bốn trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*), trong đó, nợ gốc 76.000.000 đồng, nợ lãi 83.476.000 đồng. Đồng thời, buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị T phải tiếp tục chịu lãi trên số tiền gốc 76.000.000 đồng theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 từ ngày 29/11/2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc vợ chồng ông Nguyễn Văn Đ, bà Trần Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm với số tiền 7.974.000 đ (*Bảy triệu chín trăm bảy mươi bốn nghìn đồng*).

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kim L - Chủ Hộ kinh doanh An Khang số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.940.000đ (Bốn triệu chín trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009621 ngày 29 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo theo hạn luật định 15 ngày kể từ ngày tuyên án (28/11/2024).

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- THADS huyện Hòn Đất;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lâm Nguyễn Thanh H